TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÚ TÂN** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 54/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 29 - 3 - 2023
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ TÂN, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Sơn Ngọc Trọng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Ngọc Sơn.

Ông Mạc Hoàng Nhủ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đoàn Thị Tú là Thư ký tòa án của Tòa án nhân dân huyện Phú Tân.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Tân tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Trung Tính - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 3 năm 2023, tại Tòa án nhân dân huyện Phú Tân xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 70/2023/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2023 về "*Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 135/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Mỹ N, sinh năm 1981 (xin vắng mặt).

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1985 (xin vắng mặt).

Cùng cư trú: Ấp B, xã R, huyện P, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 14/02/2023, các văn bản kèm theo bà Trần Thị Mỹ N trình bày:

Về hôn nhân: Năm 2003, bà và ông Nguyễn Văn C kết hôn và chung sống với nhau như vợ chồng có đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống thì bà N và ông C thường xuyên cãi vả, phát sinh nhiều mâu thuẫn trong lối sống, bất đồng quan điểm, thường xuyên tranh cải, bà và ông C không còn chung sống với nhau như vợ chông từ

năm 2022 cho đến nay, bà và ông C có hòa giải nhiều lần nhưng không hàn gắn được. Bà N xác định là bà không còn tình cảm dành cho ông C. Do mâu thuẫn đã trầm trọng, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, nên bà N không thể đoàn tụ gia đình với ông C, nay bà cương quyết ly hôn với ông C và yêu cầu Tòa án xét xử cho bà ly hôn ông Nguyễn Văn C.

Về con chung: Có hai người con chung tên Nguyễn Thị Phương N, sinh ngày 23/9/2004 và Nguyễn Thị Thảo N, sinh ngày 19/9/2008. Đối với Nguyễn Thị Phương N đã đủ tuổi thành niên và có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Riêng Nguyễn Thị Thảo N đang chung sống với bà N. Bà N yêu cầu được nuôi dưỡng, bà không yêu cầu ông C cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do công việc nên việc đi lại khó khăn, bà Trần Thị Mỹ N xin vắng mặt tham gia tố tụng và không có ý kiến gì khác.

Đơn yêu cầu xin vắng mặt ngày 20/02/2023 ông Nguyễn Văn C trình bày:

Ông Nguyễn Văn C thống nhất phần trình bày của bà Trần Thị Mỹ N về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung, đồng thời ông thống nhất tất cả các yêu cầu của bà N. Do cuộc sống làm ăn không về được để giải quyết việc ly hôn nên ông Nguyễn Văn C xin vắng mặt tham gia phiên tòa sơ thẩm và không có ý kiến gì khác.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

Thẩm phán xác định đúng quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết, tư cách tham gia tố tụng của các đương sự trong vụ án. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự được thực hiện đúng quy định của pháp luật. Về nội dung, cụ thể về hôn nhân đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận cho bà Trần Thị Mỹ N ly hôn với ông Nguyễn Văn C; Về con chung: Có hai người con chung tên Nguyễn Thị Phương N, sinh ngày 23/9/2004 và Nguyễn Thị Thảo N, sinh ngày 19/9/2008. Đối với Nguyễn Thị Phương N đã đủ tuổi thành niên và có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân, không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét. Cháu Nguyễn Thị Thảo N có nguyện vọng sống chung cùng với bà N nên chấp nhận yêu cầu của bà N là phù hợp, ông C không cấp dưỡng nuôi con, nên không đặt ra xem xét. Về tài sản chung tự thỏa thuận và nợ chung không có, không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Vụ án tranh chấp ly hôn là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện, thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo lãnh thổ, được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Ông Nguyễn Văn C và bà Trần Thị Mỹ N xin vắng mặt tham gia phiên tòa. Nay căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt là có căn cứ.

[2] Về hôn nhân: Năm 2003, bà Trần Thị Mỹ N và ông Nguyễn Văn C chung sống với nhau như vợ chồng và có đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Bà Trần Thị Mỹ N và ông Nguyễn Văn C xác định không còn tình cảm dành cho nhau. Cuộc sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nhận thấy, quan hệ hôn nhân của bà Trần Thị Mỹ N và ông Nguyễn Văn C đã trong tình trạng trầm trọng, đã không còn chung sống với nhau như vợ chồng mà không thể hòa giải hàn gắn được. Xét cho bà Trần Thị Mỹ N ly hôn với ông Nguyễn Văn C là có cơ sở.

[3] Về con chung: Có hai người con chung tên Nguyễn Thị Phương N, sinh ngày 23/9/2004 và Nguyễn Thị Thảo N, sinh ngày 19/9/2008. Đối với Nguyễn Thị Phương N đã đủ tuổi thành niên và có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với Nguyễn Thị Phương N đã đủ tuổi thành niên và có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, hiện tại cháu Thảo Nghi đang do bà N nuôi dưỡng. Mặc khác cháu Nguyễn Thị Thảo N có nguyện vọng sống chung cùng với bà N nên chấp nhận yêu cầu của bà N là phù hợp, ông C và bà N thỏa thuận ông C không phải cấp dưỡng nuôi con, nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, nên không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Không có, nên không đặt ra xem xét.

[6] Từ những phân tích và nhận định nêu trên xét thấy quan điểm đề nghị của Viện kiểm sát về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung là có căn cứ nên được chấp nhận.

[7] Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị Mỹ N phải chịu theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào các điều 56, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ các điều 28, 35, 39 và 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Trần Thị Mỹ N ly hôn với ông Nguyễn Văn C.

2. Về con chung: Giao Nguyễn Thị Thảo N (giới tính nữ), sinh ngày 19/9/2008 cho bà Trần Thị Mỹ N tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Văn C không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Nguyễn Văn C có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

3. Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Trần Thị Mỹ N phải chịu 300.000 đồng. Bà Trần Thị Mỹ N đã nộp tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng, theo biên lai thu tiền số 0018617 ngày 14/02/2023, của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Tân, nay chuyển thu.

"*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự*".

Bà Trần Thị Mỹ N và ông Nguyễn Văn C có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Phú Tân;
- Chi cục THADS (khi có hiệu lực);
- Phòng KTNV&THA (TAND tỉnh Cà Mau);
- UBND xã R,
huện P, tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu trữ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Sơn Ngọc Trọng